

CHÍNH SÁCH “VIỆC LÀM THỎA ĐÁNG” SAU ĐẠI DỊCH COVID-19 Ở VIỆT NAM VÀ TÁC DỤNG TRONG PHÒNG, CHỐNG LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC¹

TS PHAN THỊ NHẬT TÀI

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Theo Báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) ngày 12-09-2022, số người bị cưỡng bức lao động trên thế giới hiện chiếm đến 28 triệu người. Con số này đang tăng lên đáng kể trong thời gian qua với ước tính có thêm 10 triệu người², đặc biệt sau đại dịch Covid-19. Việc đánh giá tình hình việc làm và thị trường lao động từ tác động đại dịch, phân tích cơ sở pháp lý, và chính sách “việc làm thỏa đáng” ở Việt Nam và một số những thành tựu đạt được thông qua chính sách việc làm góp phần trong việc phòng, chống lao động cưỡng bức là nội dung chính tác giả đề cập trong bài viết.

1. Khái lược về việc làm thỏa đáng và lao động bị cưỡng bức

Việc làm là một trong những hoạt động hằng ngày của con người nhằm tạo ra của cải cho bản thân, sản phẩm cho xã hội. Điều này, không chỉ đơn thuần là quan niệm xã hội mà còn được cụ thể hóa trong pháp luật tại Khoản 2 Điều 3 Luật Việc làm 2013, “Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm”. Theo đó, hoạt động con người được xem là việc làm khi ở đó thỏa mãn hai điều kiện: (1) Tạo ra thu nhập - thu nhập này xác định trên cơ sở giá trị vật chất mà con người thông qua lao động có được, nhận được và có thể có từ nhiều nguồn khác nhau như được thừa kế, được tặng cho, sở hữu những giấy tờ có giá trị; và (2) Không bị pháp luật cấm - tức là những việc làm đem lợi ích cho chủ thể nhưng không xâm hại lợi ích chủ

thể khác, lợi ích chung xã hội. Như vậy, việc làm là một trong những phương thức tạo ra giá trị vật chất và không phải mọi hoạt động tạo ra giá trị vật chất đều được xem là việc làm, mà khi và chỉ khi nguồn giá trị vật chất đó có được từ hoạt động không bị pháp luật cấm. Nhằm đảm bảo cho người lao động có cơ hội làm việc, Điều 57, Hiến pháp 2013 của Việt Nam quy định: “Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tạo việc làm cho người lao động. Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và tạo điều kiện xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định”.

Năm 1999, ILO phát động chương trình việc làm và tại Chương trình nghị sự, khái niệm *việc làm bền vững* và *thỏa đáng* đã được đề ra, khái niệm này vốn là từ sự kết hợp hai khái niệm *việc làm thỏa đáng* và *mục tiêu bền vững*, theo đó: *việc làm bền vững* và *thỏa đáng* mang ý nghĩa là một công việc không chỉ đơn thuần là hoạt động mang lại thu nhập xứng đáng, được bảo đảm an toàn, ổn định nơi làm việc mà còn gắn với an sinh xã hội, thúc đẩy quyền của người lao động như quyền được bày tỏ chính kiến, được tự do lựa chọn tổ chức đại diện cho tiếng nói người lao động, được tham gia vào quá trình hoạch định chính sách liên quan đến quyền lợi, cuộc sống bản thân và bao gồm các hoạt động đối thoại xã hội nhằm mục đích đem lại sự bình đẳng về cơ hội, công bằng với tất cả mọi người, nam và nữ. Như

vậy, việc làm *việc làm thỏa đáng* (hoặc *bền vững*) được xây dựng trên nền tảng trụ cột 4 yếu tố: việc làm, quyền, bảo trợ và đối thoại.

Về *lao động cưỡng bức*, nội hàm của vấn đề này lần đầu tiên được cụ thể tại Điều 2.1.1 Công ước về lao động cưỡng bức 1930 của ILO (Công ước số 29), theo đó *lao động cưỡng bức và bắt buộc* là “mọi công việc hoặc dịch vụ mà một người bị ép buộc phải làm dưới sự đe dọa của một hình phạt nào đó và bản thân người đó không tự nguyện làm”³. Như vậy, yếu tố “ép buộc” và “không tự nguyện” là dấu hiệu cấu thành bắt buộc để xác định nạn nhân, đối tượng của lao động cưỡng bức, theo đó: ép buộc là dùng áp lực, gây sức ép về thể xác hoặc tinh thần để buộc một người phải làm điều người đó không mong muốn. Không tự nguyện là việc một người bản thân không muốn làm một việc, nhưng vì lý do nào đó họ miễn cưỡng phải làm. Cưỡng bức lao động cũng đã được nêu rõ trong pháp luật của Việt Nam, theo đó: “Cưỡng bức lao động là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác để ép buộc người lao động phải làm việc trái ý muốn của họ” (Khoản 7, Điều 3, Bộ luật Lao động năm 2019).

Trong Chương trình nghị sự về Phát triển Bền vững 2030 của ILO⁴, việc làm bền vững và thỏa đáng là điểm cốt lõi để xóa bỏ đói nghèo, hướng tới việc chia sẻ lợi ích công bằng hơn, toàn cầu hóa công bằng hơn trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Mục tiêu số 8 của chương trình⁵ là công việc tốt và tăng kinh tế, để đạt được mục tiêu này, ILO kêu gọi thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững và toàn diện, việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm thỏa đáng. Đây là lĩnh vực quan trọng mà ILO cùng Chính phủ các quốc gia, doanh nghiệp và người lao động sẽ cùng tham gia. Ngoài ra, các khía cạnh quan trọng của việc làm thỏa đáng cũng được lồng ghép rộng rãi vào nhiều điểm của 16 mục tiêu khác trong tầm nhìn phát triển mới của Liên Hợp Quốc như mục tiêu số 1 là xóa nghèo, mục tiêu 2 là không còn nạn đói, mục tiêu 10 là giảm bất bình đẳng...

2. Tình hình việc làm và thị trường lao động từ tác động đại dịch Covid-19

Thời gian qua, đại dịch Covid-19 đã làm ảnh hưởng tới mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó lưu thông xã hội, đặc biệt là quá trình di chuyển của con

người đã bị ảnh hưởng rất lớn. Chính việc hạn chế di chuyển do Covid-9 đã làm gián đoạn thị trường lao động nhiều quốc gia. Theo Báo cáo và điều tra của ILO năm 2022, tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu ở mức 207 triệu người, cao hơn năm 2019 là khoảng 21 triệu người. Chỉ số chính về thị trường lao động ở tất cả khu vực chưa khôi phục lại mức trước đại dịch và thị trường lao động vẫn bị sụt giảm nghiêm trọng do tác động hậu đại dịch. Cụ thể: mức thâm hụt thời giờ làm việc ước tính tương đương với 52 triệu việc làm toàn thời gian, tỷ lệ việc làm trên dân số năm 2022 ở mức 55,9% giảm so với năm 2019 là 57,3%, và thấp hơn với tỷ lệ 1,4%.

Theo kết quả điều tra của ILO: có hàng triệu người bị mất việc do ảnh hưởng từ Covid-19. điều này dẫn đến nghèo đói gia tăng, nguồn thu nhập bị giảm sút, kéo theo đó là mức độ an ninh lương thực giảm và ngày càng nghiêm trọng. Người lao động buộc phải tiêu dùng tiết kiệm, bán tài sản, vay mượn nhiều hơn và chịu mức lãi suất cao hơn. Bên cạnh đó, tình trạng di cư trong từng quốc gia diễn ra đã khiến xã hội ngày càng phức tạp. Đại dịch cũng đã cho thấy nhóm lao động thiết yếu, lao động phi chính thức, lao động tự làm, lao động tạm thời, lao động di cư⁶, lao động trên nền tảng số, lao động có tay nghề thấp... là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất.

Ở đỉnh điểm dịch Covid-19, khi áp dụng các biện pháp giãn cách toàn xã hội, với nhiều nguyên nhân khác nhau, rất nhiều lao động đã bị mất việc, sa thải. Tình trạng thất nghiệp gia tăng khiến nhiều người nôn nóng tìm kiếm việc làm, và điều này dẫn đến việc họ dễ bị tội phạm lợi dụng, lừa gạt... và trở thành nạn nhân lao động cưỡng. Do đó, các quốc gia trong đó có Việt Nam, cần củng cố chính sách “việc làm thỏa đáng” với các mục tiêu cụ thể để khôi phục thị trường lao động, cải thiện tình hình việc làm trong nước, góp phần phục hồi nền kinh tế quốc gia, đó cũng là công cụ và một trong những giải pháp để phòng, chống lao động cưỡng bức.

Mặc dù cuối năm 2022 đến đầu năm 2023, thị trường lao động đã có sự phục hồi nhất định, nhưng tập trung chủ yếu ở những nước phát triển, nhưng lực lượng lao động các nước phát triển chỉ chiếm 1/5 lực lượng lao động thế giới. Các nước thu nhập trung bình thấp, đang phát triển chiếm phần lớn

trong tổng số lao động toàn cầu thì khả năng phục hồi chậm do nền kinh tế các quốc gia này phụ thuộc chủ yếu xuất khẩu hàng hóa (Ai Cập, Tunisia và Maroc...), phụ thuộc nhiều vào du lịch, chịu ảnh hưởng nặng nề do đóng cửa biên giới, mất nguồn thu (Việt Nam, Thái Lan...) cũng chưa phục hồi đáng kể khi bị “tác động sâu” vì đại dịch.

Thị trường việc làm và lao động phục hồi không chỉ không đồng đều ở các quốc gia mà trong cả “cơ cấu nội bộ” của quốc gia: (1) Về giới: nữ giới bị tác động nghiêm trọng hơn do đại dịch, làm nổi rõ hơn khi mà trước dịch, sự bất bình đẳng về giới trong vấn đề việc làm vốn đã tồn tại. Cụ thể, trước dịch năm 2019, tỷ lệ việc làm trên dân số ở nữ thấp hơn so với năm 2022 tăng thêm 1,8%, năm 2019 tỷ lệ việc làm trên dân số ở nam thấp hơn so năm 2022 tăng thêm 1,6%, trong khi đó tỷ lệ việc làm của nữ so với nam trước đó đã thấp hơn 16%⁷. (2) Về loại hình công việc: công việc tự làm phi chính thức để kiếm sống, công việc từ xa và các xu hướng công việc tạm thời khác - đặc trưng bởi điều kiện làm việc không đảm bảo, đang ngày càng gia tăng làm giảm chất lượng điều kiện làm việc, một trong những tiêu chí, điều kiện xem xét mục tiêu “việc làm bền vững và thỏa đáng”.

3. Chính sách “việc làm thỏa đáng” ở Việt Nam sau đại dịch Covid-19

Ở Việt Nam, theo báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trước đại dịch Covid-19, mỗi năm Việt Nam bình quân có khoảng 110.000 người ra nước ngoài làm việc, tìm việc, tỷ lệ từ 7% đến 10% tổng lực lượng lao động. Sau đại dịch, tình trạng thất nghiệp gia tăng trong nước khiến nhiều người có nhu cầu tìm việc ở nước ngoài vì cho rằng cơ hội cao hơn. Bất chấp thực tế hạn chế trong xuất nhập cảnh và tiếp nhận lao động từ quốc gia khác, lao động Việt Nam vẫn tìm kiếm cơ hội việc làm “ngoài luồng”. Tình trạng xuất cảnh không có giấy phép lao động⁸, thậm chí không có cả thị thực⁹ tăng sau đại dịch, khiến nhiều người bị tội phạm lợi dụng và họ trở thành những người bị lao động cưỡng bức¹⁰. Điều này, đã được đưa tin trên truyền hình quốc gia Việt Nam và các cổng thông tin điện tử chính thống của Bộ Công an; các báo: Thanh niên, Tuổi trẻ, Vnexpress.Net... Điển hình nhất là các trường hợp bị lừa sang Campuchia¹¹ lao động với

chiều thức “việc nhẹ, lương cao” nhưng thực chất là bị cưỡng bức lao động, cưỡng đoạt tài sản, thậm chí đe dọa đến tính mạng.

Với tư cách thành viên của Tổ chức ILO, đến nay Việt Nam đã gia nhập 25 công ước của ILO (trong đó 7/8 công ước cơ bản liên quan lĩnh vực thương lượng tập thể, phòng chống phân biệt đối xử, lao động trẻ em và lao động cưỡng bức). Hiện nay, trong việc phòng, chống lao động cưỡng bức, Việt Nam đã và ngày càng nỗ lực trong việc triển khai thực thi các công ước, nhất là việc nội luật hóa quy định công ước vào hệ thống pháp luật quốc gia, đặc biệt là Bộ Luật Lao động năm 2019 nhằm hoàn thiện chính sách về lĩnh vực lao động nói chung, việc làm nói riêng với những quy định cụ thể. Chẳng hạn, tại Điều a, Khoản 1, Điều 5 của Bộ Luật Lao động năm 2019 quy định: “Người lao động có các quyền sau đây: Làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp; không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc”; hoặc tại Điều 8, quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực lao động, trong đó cấm “Ngược đãi người lao động, cưỡng bức lao động”. Ngoài ra, tại các Điều: Điều 35 (Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động), Điều 164 (Nghĩa vụ của lao động là người giúp việc gia đình) và Điều 165 (Các hành vi bị nghiêm cấm đối với người sử dụng lao động) của Bộ Luật Lao động năm 2019 cũng quy định rõ về vấn đề lao động cưỡng bức.

Không chỉ cấm các hành vi lao động cưỡng bức, pháp luật của Việt Nam còn đảm bảo việc làm cho người lao động. Nhằm tìm kiếm và mở rộng thị trường lao động, Khoản 1 Điều 150, Bộ luật Lao động 2019 quy định: “Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân tìm kiếm và mở rộng thị trường lao động”. Để bảo hộ công dân, đảm bảo quyền, nghĩa vụ cho lao động Việt Nam khi lao động ở nước ngoài, Khoản 3, Điều 17 Hiến pháp 2013 quy định: “Công dân Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ”. Hàng loạt văn bản pháp lý quan trọng đã được ban hành như Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ban hành ngày 13-11-2020; Nghị định 112/2021/

NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg về Quỹ hỗ trợ việc làm nước ngoài; Nghị định số 12/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, BHXH, người lao động đi làm việc ở nước ngoài...

Đặc biệt, Chương trình Quốc gia về Việc làm Bền vững của Việt Nam là khung chính sách cốt lõi để Việt Nam thực hiện chính sách “việc làm thỏa đáng”, là cơ sở nòng cốt khung hợp tác giữa ILO với Chính phủ, các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động trong việc đảm bảo các cam kết quốc tế nói chung, phòng chống lao động cưỡng bức nói riêng.

Trong giai đoạn 2022 - 2026, nhằm đảm bảo việc làm cho người dân, khôi phục kinh tế đất nước sau đại dịch Covid-19, trên tinh thần chủ động, Việt Nam xác định “tương lai việc làm do chúng ta tạo ra”, và cụ thể hóa trong Khung chương trình Quốc gia về Việc làm Thỏa đáng lần thứ tư¹² đến năm 2026, Việt Nam hướng đến đảm bảo việc làm cho mọi người, đặc biệt những người nguy cơ bị bỏ lại phía sau với 3 mục tiêu: (1) Cơ hội làm việc có hiệu quả, thu nhập công bằng về giới ở Việt Nam, để mọi người đều được hưởng lợi công bằng và cùng đóng góp vào chuyển đổi kinh tế bền vững, dựa trên đổi mới, sáng tạo, làm chủ kinh doanh, nâng cao năng suất, khả năng cạnh tranh và việc làm thỏa đáng; (2) An toàn tại nơi làm việc và bảo trợ xã hội cho gia đình để mọi người được hưởng lợi từ các dịch vụ xã hội và hệ thống an sinh xã hội, không có sự phân biệt đối xử về giới, phân biệt đối xử với người khuyết tật mà tạo ra sự công bằng, chi phí hợp lý và có chất lượng, với mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững, đồng thời trao quyền cho người dân để giúp họ phát huy tối đa tiềm năng của mình; (3) Cơ hội tốt hơn để phát triển cá nhân và hội nhập xã hội, theo đó mọi người được sự tự do thể hiện mối quan tâm vấn đề họ mong muốn, được quyền tổ chức và tham gia vào những tổ chức, diễn đàn về các vấn đề có ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. Người dân được hưởng lợi và có trách nhiệm đóng góp vào một xã hội công bằng, an toàn dựa trên nền tảng hệ thống cải cách hành chính hiệu quả, tăng cường pháp quyền, tăng cường bảo vệ và

tôn trọng quyền con người, bình đẳng giới và loại trừ mọi hình thức bạo lực và phân biệt đối xử, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

4. Tác dụng của chính sách “việc làm thỏa đáng” trong phòng, chống lao động cưỡng bức ở Việt Nam

4.1. Cải thiện việc làm và thu nhập cho người lao động

Theo thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý IV và năm 2022 của Tổng cục Thống kê, số người có việc làm và thu nhập bình quân của người lao động trong quý IV/2022 tiếp tục tăng so với quý III và cùng kỳ năm 2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý IV năm 2022 là 52,1 triệu người, cao nhất trong vòng 2 năm trở lại đây, tăng gần 0,3 triệu người so với quý trước và tăng gần 1,4 triệu người so với cùng kỳ năm 2021¹³.

Báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tính đến ngày 30-11-2022 gói hỗ trợ theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30-01-2022 đã giải ngân khoảng 3,74 nghìn tỷ đồng, hỗ trợ cho gần 123 nghìn lượt doanh nghiệp với gần 5,3 triệu lượt lao động. Hết quý III/2022, thị trường lao động tiếp tục duy trì đà phục hồi và có nhiều mặt khởi sắc, cụ thể: lao động thiếu việc làm trong độ tuổi lao động năm 2022 là khoảng 991,5 nghìn người, đã giảm 454,5 nghìn người so với năm 2021; tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi năm 2022 là 2,21%, giảm 0,89 điểm phần trăm so với năm 2021.

Thu nhập bình quân hằng tháng của người lao động năm 2022 là 6,7 triệu đồng, tăng 927 nghìn đồng so với năm 2021. Tính đến tháng 6 - 2023, thu nhập bình quân của người lao động là 7 triệu đồng, tăng 300 nghìn đồng so với năm 2022. Việc sửa đổi Bộ Luật Lao động, các khuôn khổ chính sách và pháp lý mở rộng bảo hiểm xã hội, vệ sinh, an toàn lao động; việc phê chuẩn các công ước số 88, 98, 105, 159 của ILO; việc tăng cường quan hệ lao động, tăng năng suất lao động, tăng tính cạnh tranh đã tạo thêm việc làm và giúp Việt Nam đạt được những thành tựu trong bối cảnh thách thức do “hậu Covid-19”, những kết quả đạt được trên, có thể khẳng định chính sách việc làm nói chung, Khung chương trình quốc gia về Việc làm thỏa đáng ở Việt Nam nói riêng, đóng vai trò quan trọng góp phần

đáng kể trong công tác phòng, chống lao động cưỡng bức và chuyển đổi kinh tế xã hội đất nước hiện nay,

4.2. Tạo điều kiện hoạt động và phát triển cho doanh nghiệp

Trong quý I và quý II/2023, cả nước có 13,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 4,8% so với 2022; 7,1 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 19,3% và gấp 3,2 lần; Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam ước đạt 10,02 tỷ USD, tăng 0,5%, lao động có việc làm tăng 902 nghìn người so với cùng kỳ năm trước; tỷ lệ thất nghiệp là 2,27%, giảm 0,12 điểm phần trăm¹⁴.

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2023 của Tổng cục thống kê, trong quý II/2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 1.520,2 nghìn tỷ đồng, tăng 1,6% so với quý trước và tăng 8,7% so với năm 2022, nếu tính trong 6 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 3.016,8 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp ở Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2023 thì Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch ước đạt 44,2 tỷ USD và Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch ước đạt 50,1 tỷ USD.

4.3. Đảm bảo chính sách an sinh xã hội

Ngày 20-5-2021, Việt Nam và ILO đã ký kết Bản ghi nhớ về hợp tác thúc đẩy các tiêu chuẩn lao động quốc tế tại Việt Nam trong 10 năm tới¹⁵; ngày 30-12-2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 2234/QĐ-TTg về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Công ước số 105 của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) về xóa bỏ lao động cưỡng bức... Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (Ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18-01-2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025).

Trong quyết định này, các chỉ tiêu cụ thể về việc làm đã được đặt ra: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề

nghề, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm; có ít nhất 100.000 người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, vùng nghèo, vùng khó khăn được hỗ trợ kết nối việc làm thành công; có ít nhất 9.500 người lao động thuộc các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ đào tạo; trong đó, có khoảng 5.700 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (ít nhất 80% hộ gia đình có người đi làm việc ở nước ngoài sẽ thoát nghèo); hỗ trợ 1.200 người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

Chính sách an sinh xã hội Việt Nam đã và đang mang lại hiệu quả cao, cụ thể: triển khai thực hiện Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15-3-2021 về Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, tính đến ngày 19-6-2023, ngân sách nhà nước đã chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội gần 1,79 nghìn tỷ đồng, theo đó các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo được nhà nước chi hỗ trợ gần 2,8 nghìn tỷ đồng; người có công, thân nhân người có công với cách mạng là hơn 3,8 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ đột xuất, bất thường phát sinh tại địa phương là 65,4 tỷ đồng. Những con số này tái khẳng định, Việt Nam rất quan tâm đến vấn đề an sinh xã hội của mọi tầng lớp nhân dân.

4.4. Góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế

Với những chính sách thúc đẩy kinh tế, chính sách tạo việc làm tăng thu nhập cho người lao động, chính sách an sinh xã hội, chính sách thu hút doanh nghiệp mà Việt Nam đã triển khai, vị thế Việt Nam trên trường quốc tế đã được ghi nhận. Kết quả đến nay tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý II/2023 ước tính tăng 4,14% so với cùng kỳ năm 2022, kích cầu tiêu dùng nội địa, các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch hiệu quả góp phần duy trì vị thế Việt Nam trong khu vực dịch vụ. Việt Nam được lựa chọn là một trong những điểm đến an toàn và hấp dẫn trên thế giới đối với nhiều du khách, do đó số lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng liên tục, trong tháng 6 - 2023 đạt 975 nghìn lượt người, tăng 6,4% so với tháng trước và gấp 4,1 lần cùng kỳ năm 2022,

nếu tính tổng số khách quốc tế trong 6 tháng đầu năm 2023 đến Việt Nam, đạt gần 5,6 triệu lượt người, gấp 9,3 lần cùng kỳ năm 2022.

Từ những kết quả trên, có thể thấy rằng Việt Nam nghiêm túc thực hiện cam kết với ILO trong việc thúc đẩy tạo ra nhiều cơ hội việc làm, đã và đang góp phần trong việc phòng, chống lao động cưỡng bức.

1. Bài viết nằm trong nội dung nghiên cứu của đề tài “Phòng, chống lao động cưỡng bức dưới góc nhìn quyền con người ở Việt Nam” (Mã số T2023-TN-11) do Trường ĐH Sư phạm - ĐH Đà Nẵng chủ trì.
2. Báo cáo ILO tháng 12-09-2022 - Global Estimates of modern Slavery: Forced Labour and Forced Marriage.
3. Điều 2.1.1, *Công ước về lao động cưỡng bức 1930*.
4. ILO: *Việc làm bền vững tại Việt Nam*, <https://www.ilo.org/hanoi/Countriescovered/lang--vi/index.htm> (truy cập ngày 09/7/2023).
5. Liên Hiệp Quốc Việt Nam: *Công việc của chúng tôi về các mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam* <https://vietnam.un.org/vi/sdgs>. Chương trình Nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững được đưa ra vào năm 2015 và trọng tâm của Chương trình Nghị sự 2030 về *phát triển bền vững* là 17 Mục tiêu phát triển bền vững (SDCs) gồm: 1- xoá nghèo; 2- không còn nạn đói; 3- sức khoẻ và cuộc sống tốt; 4- giáo dục có chất lượng; 5- bình đẳng giới; 6- nước sạch và vệ sinh; 7- năng lượng sạch và giá thành hợp lý; 8- công việc tốt và tăng trưởng kinh tế; 9- công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng; 10- giảm bất bình đẳng; 11- các thành phố và cộng đồng bền vững; 12- tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm; 13- hành động về khí hậu; 14- tài nguyên và môi trường biển; 15 - tài nguyên và môi trường biển trên đất liền; 16- hoà bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ; 17- quan hệ đối tác vì các mục tiêu.
6. Lao động di cư là thuật ngữ dùng để phản ánh việc người lao động di chuyển trong nội bộ quốc gia hoặc di chuyển từ quốc gia này đến quốc gia khác để làm việc, tìm kiếm thu nhập tốt hơn hoặc một cuộc sống chất

lượng tốt hơn. Thời gian di cư của người lao động có thể là tạm thời hoặc vĩnh viễn.

7. ILO: Tóm tắt tổng quan *Triển vọng việc làm và xu hướng thế giới 2022*, 2022.
8. Giấy phép lao động là cơ sở pháp lý, là giấy tờ chứng minh sự cho phép của nước sở tại để bạn được làm việc tại nước họ.
9. Thị thực là giấy tờ pháp lý của một quốc gia cho phép các cá nhân quốc gia khác nhập cảnh vào nước họ. Ở Việt Nam, căn cứ khoản 11 Điều 3 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam 2014, thị thực (thường gọi là visa) là loại giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp, cho phép người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam.
10. ILO đưa ra 11 dấu hiệu xác định lao động cưỡng bức, theo đó gồm: *Lừa gạt; Hạn chế đi lại; Bị cô lập; Bao lực thân thể và tình dục; Dọa nạt, đe dọa; Giữ giấy tờ tùy thân; Giữ tiền lương; Lệ thuộc vì nợ; Điều kiện sống và làm việc bị lạm dụng; Làm thêm giờ quá quy định*. Phan Thị Nhật Tài (2017), *Luận án Tiến sĩ “Chống lao động cưỡng bức dưới góc nhìn phát triển toàn diện”*, tr 25 -27.
11. Công thông tin điện tử Bộ Công An: *Bẫy lừa đảo “việc nhẹ, lương cao” ở Campuchia*, <https://bocongan.gov.vn/tin-tuc/bay-lua-dao-viec-nhe-luong-cao-tai-campuchia-t32832.html>.
12. Gồm ba bên là các cơ quan chính phủ, các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động.
13. Tổng cục thống kê: *Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý IV và năm 2022*; <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2023/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2022/>.
14. Tổng cục thống kê: *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2023* - truy cập ngày 22-7-2023. <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2023/06/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-ii-va-6-thang-dau-nam-2023/>.
15. Báo Điện tử Chính phủ: *Việt Nam gia nhập 25 Công ước của Tổ chức lao động quốc tế*, <https://baochinhphu.vn/viet-nam-gia-nhap-25-cong-uoc-cua-to-chuc-lao-dong-quoc-te-102293066.htm>.

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ CẤU BÀI VIẾT TRONG...

Tiếp theo trang 65

quan tâm hiện nay như tôn giáo, dân tộc, những vấn đề đòi hỏi lý luận thích ứng với thực tiễn... Tuy vậy, trong những năm qua, đội ngũ biên tập không được bổ sung, không có sự chuyển tiếp và thay thế của lớp trẻ, hơn nữa chúng ta không có những cán bộ biên tập chuyên sâu ở những lĩnh vực chuyên môn cao nên có thể khó khắc phục được tình trạng hổng hụt nhân sự trong Ban Biên tập.

Thứ năm, xây dựng lực lượng cán bộ tại tòa soạn đủ mạnh để có thể đảm trách được công việc ở tòa soạn, đồng thời có thể mở rộng hoạt động nghiệp vụ mang tính chuyên ngành sâu như mục tiêu đặt ra về tiếp cận phạm vi phản ánh thực tiễn cũng như những vấn đề mang tính cơ bản của hoạt động tuyên truyền.